

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 405 /LTMN-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Lương thực miền Nam – CTCP

- Mã chứng khoán: VSF

- Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, P Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ/Tel: (84-28)3.8370025 - 3.8370026

- Fax: (84-28)3.8365898 - 3.8365899

- Email: vanphong@vsfc.com.vn Website: www.vinafood2.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: .../.../2026 tại đường dẫn: https://vinafood2.com.vn/featured_item/quan-he-co-dong/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *AM*

Tài liệu đính kèm:

- BTC
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Văn Hiến

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: 403 /LTMN-TCKT
V/v Giải trình lợi nhuận sau thuế
tại báo cáo tài chính Riêng năm
2025 đã được kiểm toán.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính Riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của báo cáo tài chính Riêng năm 2025 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2024 như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu thuần	10.358.757.596.107	11.300.673.095.465
Lợi nhuận sau thuế	5.517.033.777	4.303.134.291

Nguyên nhân: cùng kỳ năm 2025, trước thách thức khó khăn từ biến động của thị trường, cạnh tranh giữa các quốc gia xuất khẩu gạo và bất ổn của địa chính trị thế giới, Tổng công ty quyết tâm nỗ lực phấn đấu, đồng thuận tháo gỡ khó khăn, thực hiện quyết liệt trên mọi phương diện để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, nên đã mang lại lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính riêng năm 2025 là 5.517.033.777 đồng.

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần xin giải trình nguyên nhân nêu trên để Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD;
- Ban BKS;
- Lưu: VT, TCKT.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Nguyễn Văn Hiến

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 14 ngày 27/10/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/10/2025 là: 5.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với Mã chứng khoán VSF.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Phó Chủ tịch
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/01/2026)
Ông Nguyễn Văn Hiến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng ban
Ông Đào Trọng Hải	Thành viên
Bà Mẫn Thị Nga	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Tấn Đức	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09/12/2025)
Ông Nguyễn Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Bỏ nhiệm ngày 07/01/2026)
Ông Bạch Ngọc Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Hiến
Phó Tổng Giám đốc phụ trách
(Quyết định số 01/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 07/01/2026)
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

*Số: 136/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần, được lập ngày 30/01/2026, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 - Phần thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa nhận được quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hoá tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần vào ngày 09/10/2018 từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, Tổng Công ty đã tạm thời ghi nhận các nội dung và điều chỉnh số liệu tài sản, nợ phải trả và vốn Công ty Cổ phần tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 03/3/2017, Báo cáo về việc thực hiện điều chỉnh giá trị doanh nghiệp hoàn thiện phương án cổ phần hóa ngày 27/3/2017, Thông báo kết luận của Trường ban chỉ đạo cổ phần hóa ngày 31/3/2017, Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty mẹ Tổng Công ty Lương thực Miền Nam gửi kèm theo Công văn số 32/KTNN-TH ngày 08/3/2023. Tổng Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn Nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Tổng Công ty. Các điều chỉnh có liên quan, nếu có, sẽ được Tổng Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.12 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, một số tài sản là quyền sử dụng đất và nhà cửa được Tổng Công ty hạch toán trên cơ sở tạm tính căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chưa thống nhất với phương án sử dụng đất của Tổng Công ty. Việc hạch toán và giá trị hạch toán của các tài sản này có thể thay đổi tùy theo phê duyệt quyết toán cổ phần hóa cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.6 của Báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý theo Báo cáo kết quả kiểm kê đột xuất tại Công ty Lương thực Trà Vinh, một Chi nhánh của Tổng Công ty vào ngày 22/11/2017 của Tổ kiểm kê đột xuất thành lập theo Quyết định số 145/QĐ-TCT ngày 27/10/2017 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Tài sản thiếu này đã được Tổng Công ty trích lập dự phòng tổn thất toàn bộ (Thuyết minh số 5.5). Ngày 06/01/2023, Chi cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án số 1456/QĐ-CTHADS Quyết định thi hành án theo yêu cầu liên quan tội tham ô tài sản và cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng phải bồi thường cho Công ty Lương thực Trà Vinh 132,9 tỷ đồng, người thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ Quyết định này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Lưu Minh Tới
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3920-2022-137-1

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2.545.810.279.682	1.418.418.753.929
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.073.935.637.739	120.678.088.850
1. Tiền	111		297.935.637.739	120.678.088.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		776.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.749.091.896	305.139.469.411
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	352.688.570.024	408.237.795.595
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	361.025.456.573	352.420.166.340
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	216.121.150.261	219.311.727.868
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.309.964.670.774)	(1.323.912.263.535)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	648.878.585.812	649.082.043.143
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	972.985.442.030	843.262.589.484
1. Hàng tồn kho	141		976.171.686.180	853.424.932.030
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.186.244.150)	(10.162.342.546)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		230.140.108.017	149.338.606.184
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	10.692.083.028	8.881.728.760
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		211.450.331.862	136.552.894.191
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	7.997.693.127	3.903.983.233
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		3.014.251.672.602	3.073.063.578.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		676.924.698.874	654.631.312.654
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	675.629.698.874	654.472.246.120
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.295.000.000	159.066.534
II. Tài sản cố định	220		1.437.530.247.796	1.514.594.654.988
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.296.348.737.658	1.370.222.943.522
- Nguyên giá	222		4.318.915.360.136	4.298.886.492.518
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.022.566.622.478)	(2.928.663.548.996)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	141.181.510.138	144.371.711.466
- Nguyên giá	228		186.772.851.485	186.772.851.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(45.591.341.347)	(42.401.140.019)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	19.149.733.822	19.534.563.982
1. Nguyên giá	231		31.302.629.053	31.302.629.053
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.152.895.231)	(11.768.065.071)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.437.992.754	13.016.372.750
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	10.437.992.754	13.016.372.750
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	727.449.442.727	726.605.112.498
1. Đầu tư vào Công ty con	251		948.495.140.276	948.495.140.276
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		128.076.362.236	128.076.362.236
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		104.494.843.499	104.494.843.499
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(453.616.903.284)	(454.461.233.513)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		142.759.556.629	144.681.561.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	142.759.556.629	144.681.561.570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		5.560.061.952.284	4.491.482.332.371

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
 phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.964.267.809.245	1.901.205.223.109
I. Nợ ngắn hạn	310		2.276.053.351.331	1.238.148.671.489
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	43.468.939.377	93.252.237.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	108.608.284.671	85.207.596.845
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	1.818.920.253	608.655.448
4. Phải trả người lao động	314		23.799.973.402	22.081.256.528
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	17.505.538.127	12.528.732.100
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	12.051.309.888	11.948.703.832
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	83.258.610.563	83.796.739.236
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	1.973.557.646.496	916.315.696.939
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.235.288.995	11.529.800.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		748.839.559	879.253.559
II. Nợ dài hạn	330		688.214.457.914	663.056.551.620
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	5.026.479.040	4.354.525.500
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	683.187.978.874	657.792.126.120
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	-	909.900.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.595.794.143.039	2.590.277.109.262
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.22	2.595.794.143.039	2.590.277.109.262
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		231.825.797.290	231.825.797.290
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.636.031.654.251)	(2.641.548.688.028)
- LNST chưa phân phối lũy kế	421a		(2.641.548.688.028)	(2.645.851.822.319)
- đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.517.033.777	4.303.134.291
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		5.560.061.952.284	4.491.482.332.371

Người lập biểu



Nguyễn Lê Bảo Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Vương Quốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc phụ trách




Nguyễn Văn Hiến

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
 phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02- DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	10.371.593.898.654	11.309.631.081.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	12.836.302.547	8.957.985.856
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	10.358.757.596.107	11.300.673.095.465
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.525.522.612.909	10.635.243.246.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		833.234.983.198	665.429.848.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	95.759.821.336	149.268.954.589
7. Chi phí tài chính	22	6.4	160.432.987.901	184.588.182.077
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.879.966.969	119.163.707.303
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	498.674.454.196	420.715.988.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	265.864.710.995	222.299.471.960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		4.022.651.442	(12.904.839.214)
11. Thu nhập khác	31	6.6	6.529.031.295	25.326.335.574
12. Chi phí khác	32	6.6	5.034.648.960	8.118.362.069
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	1.494.382.335	17.207.973.505
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.517.033.777	4.303.134.291
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.517.033.777	4.303.134.291

Người lập biểu



Nguyễn Lê Bảo Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Vương Quốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách




Nguyễn Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.517.033.777	4.303.134.291
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		100.304.615.651	98.753.719.736
- Các khoản dự phòng	03		(22.062.532.391)	(12.242.931.968)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		319.970.027	13.651.844.847
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.963.208.032)	(56.624.670.802)
- Chi phí lãi vay	06		89.879.966.969	119.163.707.303
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		133.995.846.001	167.004.803.407
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.069.221.964)	(72.973.118.410)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(122.746.754.150)	(234.983.587.826)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.668.863.053	24.324.146.699
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		111.650.673	339.874.744
- Tiền lãi vay đã trả	14		(88.732.562.880)	(119.329.852.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(122.772.179.267)	(235.617.734.359)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.332.321.082)	(24.019.453.630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		112.272.727	243.843.940
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.906.258.084	57.039.958.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.686.209.729	33.264.348.741
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.395.974.320.971	8.478.774.345.673
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.339.474.525.456)	(8.374.340.371.547)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.056.499.795.515	104.433.974.126
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		953.413.825.977	(97.919.411.492)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		120.678.088.850	218.536.274.681
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(156.277.088)	61.225.661
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	1.073.935.637.739	120.678.088.850

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách



Nguyễn Lê Bảo Anh



Nguyễn Vương Quốc



Nguyễn Văn Hiến

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 14 ngày 27/10/2025 về việc cập nhật địa giới hành chính.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/10/2025 là: 5.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm nghìn tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên thị trường UpCOM với Mã chứng khoán VSF.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 1.247 người (Tại ngày 31/12/2024 là 1.342 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh nông sản, thương mại, dịch vụ, du lịch;
- Sản xuất, mua bán thức ăn chăn nuôi. Nuôi, chế biến thủy hải sản;
- Sản xuất và mua bán bao bì (trừ tái phế thải tại cơ sở);
- Khai thác, mua bán nước uống tinh khiết, nước khoáng;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Dịch vụ quảng cáo và tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (hoặc quán ăn uống bình dân);
- Mua bán phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh nước đá tinh khiết;
- Mua bán, bảo dưỡng, bảo trì: xe ô tô, xe máy;
- Bán lẻ thực phẩm chế biến, thực phẩm khô, đồ hộp, các loại nước giải khát có gas, sữa và các sản phẩm từ sữa, thủy sản, rau, hoa quả tươi, thịt và các sản phẩm từ thịt, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, vải, quần áo may sẵn, giày, dép, bóp, túi xách, hàng da, mỹ phẩm, hàng mỹ nghệ, đồ điện gia dụng, đồ gia dụng nội thất, giường, tủ, bàn, ghế, đồ dùng cá nhân và gia đình, đồ trang sức, đồng hồ, Văn phòng phẩm, thiết bị ngành ảnh, thiết bị thu hình - thu thanh, đồ kim khí, điện máy, thiết bị văn phòng, máy tính và linh kiện điện tử.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Là bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh).

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Hoạt động trọng yếu nhất của Tổng Công ty là thu mua lúa, xay xát và bán gạo. Hoạt động này chịu ảnh hưởng của mùa vụ, trong đó nguồn gạo của 06 tháng đầu năm phụ thuộc vào vụ lúa đông xuân và nguồn gạo của 6 tháng cuối năm phụ thuộc vào vụ lúa hè thu. Tỷ lệ 65% lượng lúa của Tổng Công ty được mua từ vụ đông xuân, do đó hàng tồn kho của Tổng Công ty tại thời điểm 30/6 thông thường cao hơn tại thời điểm 31/12. Các hoạt động khác của Tổng Công ty không chịu ảnh hưởng của mùa vụ.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, chế biến lương thực, dịch vụ xuất nhập khẩu	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Lâm Đồng	Sản xuất, chế biến lương thực, dịch vụ xuất nhập khẩu	66,27%	66,27%
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, chế biến thực phẩm, kinh doanh thương mại	51,30%	51,30%
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Cà Mau	Kinh doanh nông sản, thực phẩm	62,05%	62,05%
Công ty Cổ phần Tô Châu	Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh bia, cồn, rượu và nước giải khát	65,40%	65,40%
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Gia Lai	Sản xuất, chế biến lương thực	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Tây Ninh	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thương mại	59,78%	59,78%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	An Giang	Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thương mại	83,31%	83,31%
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	TP. Cần Thơ	Đã phá sản theo QĐ 01/2020/QĐPS-TA ngày 22/9/2020 của TAND tỉnh Hậu Giang	53,28%	53,28%
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mì ăn liền truyền thống và các mặt hàng gia vị	30,72%	30,72%
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	Vĩnh Long	Chế biến lương thực xuất khẩu	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Lương thực Cambodia - Việt Nam	Campuchia	Sản xuất, thu mua, vận chuyển, chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực, thực phẩm	37,00%	37,00%

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các Chi nhánh phụ thuộc:

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ
Công ty Lương thực Bến Tre	Số 199D2, khu phố 4, Phường Bến Tre, Vĩnh Long
Công ty Lương thực Sóc Trăng	Số 76 Lê Duẩn, Khóm 1, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ
Công ty Lương thực Thực Phẩm An Giang	Số 06 Nguyễn Du, Phường Long Xuyên, An Giang
Công ty Lương thực Trà Vinh	Số 102, Trần Phú, Phường Trà Vinh, Vĩnh Long
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Số 531, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Ngãi, Đồng Tháp
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông	277A Bến Bình Đông, Phường Phú Định, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Lương thực Sông Hậu	Lô 18 Khu công nghiệp Trà Nóc I, Phường Thới An Đông, TP. Cần Thơ
Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Ấp Vĩnh Yên, Phường Long Đức, Vĩnh Long
Công ty Lương thực Long An	10 Cù Luy, Phường Long An, Tây Ninh
Công ty Lương thực Bạc Liêu	Số 166, đường Võ Thị Sáu, Phường Bạc Liêu, Cà Mau
Công ty Lương thực Vĩnh Long	Số 09, đường Tỉnh lộ 901, ấp Hối Thạnh, Xã Hòa Bình, Vĩnh Long
Công ty Nông sản Thực Phẩm Tiền Giang	Ấp Bình, Xã An Hữu, Đồng Tháp
Công ty Lương thực Tiền Giang	Số 256, Khu phố 2, Phường Trung An, Đồng Tháp
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	Khu vực Thới Hòa 1, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, không bao gồm số liệu của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 09/10/2018. Tuy nhiên, tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa và biên bản bàn giao sang Công ty cổ phần. Tổng Công ty đang thực hiện phản ánh, ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

Theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 03/3/2017, báo cáo về thực hiện điều chỉnh giá trị doanh nghiệp hoàn thiện phương án cổ phần hóa ngày 27/3/2017, thông báo kết luận của Trưởng ban Chỉ đạo cổ phần hóa ngày 31/3/2017, quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Văn phòng Tổng Công ty đã tạm thời ghi nhận các nội dung và điều chỉnh số liệu tài sản, nợ phải trả và vốn Tổng Công ty Cổ phần tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Tại ngày lập Báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện xong công việc Kiểm toán Quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước và đã có Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần của Công ty mẹ Tổng Công ty Lương thực miền Nam gửi kèm theo Công văn số 32/KTNN-TH ngày 08/3/2023. Tổng Công ty đã hoàn thành Hồ sơ Quyết toán vốn Nhà nước theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyết toán vốn nhà nước được phê duyệt cuối cùng có thể làm thay đổi giá trị tài sản và nợ phải trả được ghi nhận của Tổng Công ty. Các điều chỉnh có liên quan, nếu có, sẽ được Tổng Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 2.636.031.654.251 VND, dẫn đến vốn chủ sở hữu giảm 2.636.031.654.251 VND. Hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc nhiều vào vốn vay các tổ chức tín dụng nhưng vẫn đảm bảo tốt khả năng cân đối thanh toán các khoản nợ đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh cũng như khả năng thu hồi các tài sản để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng Tổng Công ty tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng Tổng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý, nhượng bán đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất từ 20 năm đến 50 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 08 năm

Tài sản khác

Tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 04 năm đến 50 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc

20 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng liên quan đến chi phí san lấp cho các khu đất thuê được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê đất từ 45 năm đến 50 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 40 năm đến 50 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí trả trước phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán riêng.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; Không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:
- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng Tổng Công ty của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng Tổng Công ty: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng và các đơn vị trực thuộc được thực hiện và kê khai tập trung tại Tổng Công ty. Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	7.089.584.738	9.464.578.698
Tiền gửi ngân hàng	290.846.053.001	111.213.510.152
Các khoản tương đương tiền	776.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng (*)	776.000.000.000	-
Tổng	1.073.935.637.739	120.678.088.850

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới 03 tháng và được lãi suất 4,68%/năm.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
 phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	352.688.570.024	408.237.795.595
Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	27.535.959.360	36.097.740.900
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Võ Thị Thu Hà	58.768.539.483	58.768.539.483
PADIBERAS NASIONAL BERHAD (BERNAS)	8.833.796.300	56.423.359.500
OLAM GLOBAL AGRI PTE LTD	34.668.761.559	44.588.215.800
Các khách hàng khác	222.881.513.322	212.359.939.912
Dài hạn	675.629.698.874	654.472.246.120
Hỗ trợ chính phủ Cuba (*)	675.629.698.874	654.472.246.120
Tổng	1.028.318.268.898	1.062.710.041.715
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>77.103.560.479</i>	<i>70.842.623.359</i>

(*): Đây là khoản phải thu Chính phủ Cuba liên quan đến hàng viện trợ do Chính phủ Việt Nam hỗ trợ thông qua Tổng Công ty. Khoản này sẽ được hoàn trả lại cho Chính phủ Việt Nam khi Tổng Công ty thu hồi được từ Chính phủ Cuba. Do đó, tương ứng với khoản phải thu này là khoản phải trả dài hạn khác được trình bày trong Thuyết minh số 5.20.

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	73.226.957.750	73.226.957.750
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Võ Thị Thu Hà	87.991.938.232	87.991.938.232
Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc	78.629.955.300	78.629.955.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thịnh phát Kon Tum	75.681.437.313	77.481.437.313
Công ty TNHH Đầu tư Bình Lợi	12.709.500.000	12.709.500.000
Công ty TNHH Phương Huệ	5.798.795.653	5.798.795.653
Công ty Honda Việt Nam	13.071.894.801	5.547.055.005
Các nhà cung cấp khác	13.914.977.524	11.034.527.087
Tổng	361.025.456.573	352.420.166.340
<i>Trong đó trả trước các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>75.446.374.849</i>	<i>73.226.957.750</i>

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	216.121.150.261	(143.155.988.857)	219.311.727.868	(143.745.993.672)
Phải thu cổ phần hóa	4.544.857.219	-	4.544.857.219	-
Phải thu khác	209.709.272.079	(143.042.288.857)	212.384.885.872	(143.677.793.672)
<i>Phải thu Công ty Cổ phần Tô Châu tiền vốn và lãi kinh doanh</i>	88.280.243.917	(88.280.243.917)	88.280.243.917	(88.280.243.917)
<i>Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh</i>	27.798.201.920	-	27.689.374.920	-
<i>Phải thu CP Lương thực Hậu Giang về việc Tổng Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh</i>	28.000.000.000	(28.000.000.000)	28.000.000.000	(28.000.000.000)
<i>Phải thu Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (*)</i>	27.877.394.336	-	27.877.394.336	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	37.753.431.906	(26.762.044.940)	40.537.872.699	(27.397.549.755)
Tạm ứng	1.531.300.963	-	2.098.784.777	-
Ký cược, ký quỹ	335.720.000	(113.700.000)	283.200.000	(68.200.000)
Dài hạn	1.295.000.000	-	159.066.534	(45.000.000)
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	108.566.534	-
Ký cược, ký quỹ	1.295.000.000	-	50.500.000	(45.000.000)
Tổng	217.416.150.261	(143.155.988.857)	219.470.794.402	(143.790.993.672)
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>147.674.161.692</i>	<i>(143.155.988.857)</i>	<i>147.556.457.790</i>	<i>(143.790.993.672)</i>

(*) Đây là khoản phải thu Kho bạc Nhà nước liên quan tới số tiền Nhà nước tạm ứng cho Tổng Công ty để xây dựng dự án. Số tiền này đang bị phong tỏa do đã hết thời hạn rút vốn, Thuyết minh số 5.20.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Nợ xấu và nợ khó đòi

31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng							
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Võ Thị Thu Hà	58.768.539.483	(58.768.539.483)	-	Trên 05 năm	58.768.539.483	(58.768.539.483)	-
Công ty Cổ phần Tô Châu	25.815.229.715	(25.815.229.715)	-	Trên 05 năm	25.815.229.715	(25.815.229.715)	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	17.298.568.750	(17.298.568.750)	-	Trên 05 năm	17.298.568.750	(17.298.568.750)	-
Công ty TNHH Lương thực V.A.P	10.033.561.582	(10.033.561.582)	-	Trên 05 năm	10.033.561.582	(10.033.561.582)	-
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	24.361.723.614	(24.361.723.614)	-	Trên 05 năm	24.361.723.614	(24.361.723.614)	-
Công ty TNHH Univen (S) Pte	12.058.307.500	(12.058.307.500)	-	Trên 05 năm	11.512.525.000	(11.512.525.000)	-
Công ty TNHH MTV Hòa Tân Lộc	2.893.900.125	(2.893.900.125)	-	Trên 05 năm	2.893.900.125	(2.893.900.125)	-
Các khách hàng khác	40.008.236.675	(40.008.236.675)	-	Trên 05 năm	46.672.299.053	(46.368.074.471)	304.224.582
Tổng	191.238.067.444	(191.238.067.444)	-		197.356.347.322	(197.052.122.740)	304.224.582

三
JTC
G
HI
TO,
TA
一〇
二

31/12/2025 (VND)					01/01/2025 (VND)		
Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khác							
Trên 05 năm	88.280.243.917	(88.280.243.917)	-	Trên 05 năm	88.280.243.917	(88.280.243.917)	-
Trên 05 năm	28.000.000.000	(28.000.000.000)	-	Trên 05 năm	28.000.000.000	(28.000.000.000)	-
Trên 05 năm	3.586.838.953	(3.586.838.953)	-	Trên 05 năm	3.586.838.953	(3.586.838.953)	-
Trên 05 năm	5.297.314.070	(5.297.314.070)	-	Trên 05 năm	5.297.314.070	(5.297.314.070)	-
Trên 05 năm	9.017.732.212	(9.017.732.212)	-	Trên 05 năm	9.017.732.212	(9.017.732.212)	-
Trên 05 năm	8.973.859.705	(8.973.859.705)	-	Trên 05 năm	9.573.859.705	(9.573.859.705)	-
Tổng			-	143.755.988.857			-
Tài sản thiếu chờ xử lý			-	649.082.043.143			-
Tổng			-	1.324.216.488.117			304.224.582

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng (kg)	Giá trị (VND)	Số lượng (kg)	Giá trị (VND)
- Hàng tồn kho (*)	83.313.922	648.878.585.812	83.313.922	649.082.043.143
Tổng		648.878.585.812		649.082.043.143

(*): Hàng tồn kho thiếu chờ xử lý theo Báo cáo kết quả kiểm kê đột xuất tại Công ty Lương thực Trà Vinh ngày 22/11/2017 của Tổ kiểm kê đột xuất thành lập theo Quyết định số 145/QĐ-TCT ngày 27/10/2017 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lương thực miền Nam. Khoản tài sản thiếu này đã được Công ty dự phòng tồn thất toàn bộ (xem thuyết minh nợ xấu số 5.5). Vụ việc này đã được Toà án đưa ra xét xử phúc thẩm ngày 24/3/2022, Tòa án Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án số 137/2022/HSPT tuyên án các bị cáo liên quan nghiêm trọng, phải bồi thường cho Công ty Lương thực Trà Vinh 132,9 tỷ đồng. Ngày 06/01/2023, Chi cục thi hành án thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu liên quan tội tham ô tài sản và cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng phải bồi thường cho Công ty Lương thực Trà Vinh 132,9 tỷ đồng, người thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được thông báo hợp lệ Quyết định này.



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	740.324.631	-	782.756.672	-
Nguyên liệu, vật liệu	219.889.464.704	(1.870.344.262)	213.307.174.356	(1.860.084.340)
Công cụ, dụng cụ	10.469.604.352	(374.795.423)	9.234.869.201	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	3.467.324.595	-	1.886.428.658	-
Thành phẩm	536.218.386.202	(790.810.383)	441.568.411.390	(7.952.662.851)
Hàng hóa	83.323.370.480	(150.294.082)	109.153.665.693	(349.595.355)
Hàng gửi đi bán	75.790.387.980	-	31.218.802.824	-
Hàng hóa bất động sản (*)	46.272.823.236	-	46.272.823.236	-
Tổng	976.171.686.180	(3.186.244.150)	853.424.932.030	(10.162.342.546)

(*): Hàng hóa bất động sản là đất và tài sản gắn liền trên đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Gia Lai, được Công ty cổ phần Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum chuyển nhượng cho Công ty Lương thực Vĩnh Long ("Chi nhánh"), Chi nhánh của Tổng Công ty, để cấn trừ một phần công nợ với Chi nhánh trong năm 2015. Chi nhánh đã nhận được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất trong năm 2015. Tại ngày 31/12/2025, toàn bộ hàng hóa bất động sản đang bị phong tỏa cho mục đích điều tra xét xử vụ án giữa Tổng Công ty và Công ty cổ phần Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum liên quan đến khoản phải thu khó đòi (tại Thuyết minh số 5.5). Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty và Chi nhánh vẫn đang tiếp tục theo dõi diễn biến của vụ án.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
 Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	10.692.083.028	8.881.728.760
Chi phí thanh lý nhà số 2 Điện Biên Phủ, Thành Phố Trà Vinh	3.409.253.364	3.409.253.364
Chi phí sửa chữa tài sản	3.146.573.386	1.938.592.433
Chi phí bảo hiểm	-	5.564.631
Công cụ dụng cụ	1.065.626.430	2.396.949.325
Chi phí gia hạn thuê dịch vụ sử dụng thư điện tử	126.234.931	-
Chi phí bao bì	485.677.097	200.715.347
Các chi phí khác	2.458.717.820	930.653.660
Dài hạn	142.759.556.629	144.681.561.570
Công cụ, dụng cụ	2.987.525.574	3.550.311.411
Chi phí san lấp và giải phóng mặt bằng - CN Thốt Nốt	51.296.354.115	51.296.354.115
Tiền thuê đất Tân Kim	44.920.930.952	46.299.578.455
Đầu tư khu du lịch Long Trị	4.908.804.691	5.057.177.935
Chi phí cải tạo, sửa chữa	12.400.926.072	10.447.673.786
Chi phí đầu tư hạ tầng ao nuôi trồng thủy sản chờ phân bổ	-	2.456.068.846
Chi phí thuê nhà, thuê kho, thuê đất	19.429.087.184	16.212.660.062
Chi phí khai thác khoáng sản và phục hồi môi trường	310.793.503	337.355.839
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.505.134.538	9.024.381.121
Tổng	153.451.639.657	153.563.290.330

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	2.432.563.322.066	1.675.125.420.015	137.488.668.657	42.342.502.245	11.366.579.535	4.298.886.492.518
Tăng trong năm	4.809.655.083	15.459.431.216	3.575.079.541	1.934.318.164	-	25.778.484.004
Mua trong năm	2.092.012.595	2.413.917.192	-	775.599.897	-	5.281.529.684
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.717.642.488	13.045.514.024	3.575.079.541	1.158.718.267	-	20.496.954.320
Giảm trong năm	5.638.259.413	-	111.356.973	-	-	5.749.616.386
Thanh lý, nhượng bán	845.420.939	-	-	-	-	845.420.939
Phân loại lại	1.684.690.303	-	111.356.973	-	-	1.796.047.276
Giảm khác	3.108.148.171	-	-	-	-	3.108.148.171
Số dư tại 31/12/2025	2.431.734.717.736	1.690.584.851.231	140.952.391.225	44.276.820.409	11.366.579.535	4.318.915.360.136
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	1.447.421.112.742	1.304.230.791.235	130.451.657.178	38.520.973.831	8.039.014.010	2.928.663.548.996
Tăng trong năm	48.420.827.621	43.825.651.214	3.294.161.639	966.062.277	222.881.412	96.729.584.163
Khấu hao trong năm	48.420.827.621	43.825.651.214	3.294.161.639	966.062.277	222.881.412	96.729.584.163
Giảm trong năm	2.826.510.681	-	-	-	-	2.826.510.681
Thanh lý, nhượng bán	790.098.160	-	-	-	-	790.098.160
Giảm khác	2.036.412.521	-	-	-	-	2.036.412.521
Số dư tại 31/12/2025	1.493.015.429.682	1.348.056.442.449	133.745.818.817	39.487.036.108	8.261.895.422	3.022.566.622.478
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2025	985.142.209.324	370.894.628.780	7.037.011.479	3.821.528.414	3.327.565.525	1.370.222.943.522
Tại 31/12/2025	938.719.288.054	342.528.408.782	7.206.572.408	4.789.784.301	3.104.684.113	1.296.348.737.658

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 0 đồng (Tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 0 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 439.708 triệu đồng (Tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 439.708 triệu đồng).

NO. 2025.019
3 TY
HH
TOA
ETN

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho, Tp. Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2025	170.851.640.936	6.459.154.866	9.462.055.683	186.772.851.485
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	170.851.640.936	6.459.154.866	9.462.055.683	186.772.851.485
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2025	27.444.847.497	6.280.452.756	8.675.839.766	42.401.140.019
Tăng trong năm	3.117.927.668	8.097.732	64.175.928	3.190.201.328
Khấu hao trong năm	3.117.927.668	8.097.732	64.175.928	3.190.201.328
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	30.562.775.165	6.288.550.488	8.740.015.694	45.591.341.347
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	143.406.793.439	178.702.110	786.215.917	144.371.711.466
Tại 31/12/2025	140.288.865.771	170.604.378	722.039.989	141.181.510.138

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 22.461 triệu đồng (Tại thời điểm ngày 01/01/2025 là 22.461 triệu đồng).

5.11 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư				
Nguyên giá	31.302.629.053	-	-	31.302.629.053
- Quyền sử dụng đất	14.831.868.000	-	-	14.831.868.000
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16.470.761.053	-	-	16.470.761.053
Giá trị hao mòn lũy kế	11.768.065.071	384.830.160	-	12.152.895.231
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà cửa, vật kiến trúc	11.768.065.071	384.830.160	-	12.152.895.231
Giá trị còn lại	19.534.563.982	(384.830.160)	-	19.149.733.822
- Quyền sử dụng đất	14.831.868.000	-	-	14.831.868.000
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.702.695.982	(384.830.160)	-	4.317.865.822

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng Tổng Công ty do chưa có nhu cầu chuyển đổi hay thanh lý bất động sản đầu tư đó.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.12 Tài sản tạm ghi theo phương án cổ phần hóa

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có cơ sở nhà đất chưa thống nhất phương án sử dụng đất, còn có ý kiến khác nhau giữa Tổng Công ty, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), chi tiết như sau:

Địa chỉ cơ sở nhà, đất	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình				
- Nhà số 142X đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	865.962.631	243.412.642	865.962.631	243.412.642
- Nhà số 117 đường Bà Hom, phường Phú Lâm, TP. Hồ Chí Minh	500.956.126	72.529.588	500.956.126	72.529.588
Bất động sản đầu tư				
- Nhà số 2 đường số 4, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	8.707.095.668	5.023.562.892	8.707.095.668	5.023.562.892
Tài sản cố định vô hình				
- Lô đất 289 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, TP. Hồ Chí Minh (*)	39.584.880.000	39.584.880.000	39.584.880.000	39.584.880.000

(*): Quyền sử dụng đất liên quan đến đất số 289 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh được Nhà nước giao sử dụng, thu tiền hàng năm nhưng chưa được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất 39.585 triệu VND được ghi nhận theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 03 tháng 3 năm 2017, là số ước tính Tổng Công ty phải trả Ngân sách Nhà nước để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, Thuyết minh số 5.20.

Các cơ sở nhà đất trên đã được Tổng Công ty công khai tại bản công bố thông tin khi bán đấu giá cổ phần ra công chúng và đã tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu. Do vậy, Tổng Công ty đã có Văn bản số 1638/TCT-KT-XDCB ngày 25/9/2018 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đảm bảo tuân thủ chế độ quy định và thống nhất với các cơ quan chức năng về Phương án sắp xếp cơ sở nhà, đất theo quy định. Tại báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của các cơ quan ban ngành về vấn đề này.

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Dự án Kho trung tâm Khánh Hưng (*)	5.457.758.801	5.457.758.801
Mua sắm TSCĐ	447.112.800	1.060.359.194
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.209.817.919	3.139.549.807
Chi phí san lấp mặt bằng Nhà máy Phước Long	-	876.466.050
Nhà máy chế biến thủy sản	1.991.303.234	2.198.239.597
Chi phí nâng cấp phần mềm kế toán	168.000.000	-
Hệ thống xử lý nước, lò hơi 8m3/h	164.000.000	-
Chi phí đền bù giải tỏa xây dựng Nhà máy Ninh Quới A giai đoạn 2, công trình khác	-	283.999.301
Tổng	10.437.992.754	13.016.372.750

(*): Dự án Kho Lương thực Khánh Hưng đang tạm dừng theo Tờ trình số 1394/TT.LTLA.ĐTKT ngày 30/10/2018 và đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt ngày 07/5/2019. Ngày 31/5/2021, Công ty Lương thực Long An, một chi nhánh của Tổng Công ty tiếp tục có Tờ trình số 405/CV.LTLA.ĐTKT xin gia hạn thời gian thực hiện dự án nhưng chưa nhận được phản hồi từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			948.495.140.276	(323.529.483.410)	948.495.140.276	(323.667.591.568)
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	51%	51%	33.029.591.929	(33.029.591.929)	33.029.591.929	(33.029.591.929)
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	66,27%	66,27%	47.786.267.013	(34.251.045.194)	47.786.267.013	(34.251.045.194)
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco (**)	51,30%	51,30%	208.306.301.000	-	208.306.301.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	60,00%	60,00%	2.142.000.000	-	2.142.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	62,05%	62,05%	40.956.000.000	(40.956.000.000)	40.956.000.000	(40.956.000.000)
Công ty Cổ phần Tô Châu	65,40%	65,40%	65.400.000.000	(65.400.000.000)	65.400.000.000	(65.400.000.000)
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	51,00%	51,00%	69.345.300.334	-	69.345.300.334	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang (***)	53,28%	53,28%	28.771.200.000	(28.771.200.000)	28.771.200.000	(28.771.200.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	60,00%	60,00%	83.301.480.000	-	83.301.480.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	51,00%	51,00%	5.100.000.000	(5.100.000.000)	5.100.000.000	(5.100.000.000)
Công ty CP Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	59,78%	59,78%	152.509.000.000	(116.021.646.287)	152.509.000.000	(116.159.754.445)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	83,31%	83,31%	211.848.000.000	-	211.848.000.000	-

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	Tỷ lệ	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
		Vốn giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				128.076.362.236	(87.512.188.023)	128.076.362.236	(87.512.188.023)
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	30,72%	30,72%		29.752.174.213	-	29.752.174.213	-
Công ty CP Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	40,00%	40,00%		7.654.400.000	(7.654.400.000)	7.654.400.000	(7.654.400.000)
Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	30,00%	30,00%		22.500.000.000	(22.500.000.000)	22.500.000.000	(22.500.000.000)
Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam	37,00%	37,00%		57.357.788.023	(57.357.788.023)	57.357.788.023	(57.357.788.023)
Cơ sở nuôi cá ở khóm Long Trị	60,00%	60,00%		10.812.000.000	-	10.812.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				104.494.843.499	(42.575.231.851)	104.494.843.499	(43.281.453.922)
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	12,27%	12,27%		27.469.130.000	(8.115.077.901)	27.469.130.000	(8.115.077.901)
Công ty Cổ phần Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	15,87%	15,87%		2.138.145.362	(2.081.334.941)	2.138.145.362	(2.081.334.941)
Công ty Cổ phần Bột mì Bình An	19,92%	19,92%		23.903.329.999	(23.903.329.999)	23.903.329.999	(23.903.329.999)
Công ty Cổ phần Bao bì Bình Tây	11,18%	11,18%		6.176.238.338	-	6.176.238.338	-
Công ty Cổ phần Bến Thành - Mũi Né	17,81%	17,81%		27.676.125.799	(8.475.489.010)	27.676.125.799	(9.181.711.081)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	4,89%	4,89%		17.131.874.001	-	17.131.874.001	-
Tổng				1.181.066.346.011	(*) (453.616.903.284)	1.181.066.346.011	(*) (454.461.233.513)

(*): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**): Năm 2021, Tổng Công ty có được chia cổ tức bằng cổ phiếu là 324.948 cổ phiếu và nhận cổ phiếu thưởng là 771.751 cổ phiếu; Năm 2022 Tổng Công ty được chia cổ tức bằng cổ phiếu là 515.855 cổ phiếu.

(***): Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang, đã thực hiện phát sản theo tuyên bố phá sản số 01/2020/QĐPS-TA ngày 22/9/2020 của Tòa Án nhân dân tỉnh Hậu Giang.



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.15 Phải trả người bán

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	43.468.939.377	43.468.939.377	93.252.237.002	93.252.237.002
Val Win Trading	8.046.877.932	8.046.877.932	28.098.759.420	28.098.759.420
Các nhà cung cấp khác	823.155.688	823.155.688	10.089.186.161	10.089.186.161
	34.598.905.757	34.598.905.757	55.064.291.421	55.064.291.421
Tổng	43.468.939.377	43.468.939.377	93.252.237.002	93.252.237.002
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>3.021.491.592</i>	<i>3.021.491.592</i>	<i>2.886.978.800</i>	<i>2.886.978.800</i>

Y
t
ÁN
NA
ỘI
C
HÃ
CH

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Người mua ứng trả tiền trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
FNJ Investment Limited	15.505.292.619	16.384.641.741
NEW EASTERN (1971) PTE LTD	3.554.340.014	8.656.574.615
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	9.500.000.000	9.500.000.000
Công ty TNHH XNK Thương mại Võ Thị Thu Hà	3.803.625.000	3.803.625.000
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Vimex	4.361.260.000	17.033.466.400
Công ty CP Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket	4.010.108.000	5.280.800.000
Các khách hàng khác	67.873.659.038	24.548.489.089
Tổng	108.608.284.671	85.207.596.845
<i>Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>19.749.278.088</i>	<i>14.780.800.000</i>

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	608.655.448	53.699.715.863	52.489.451.058	1.818.920.253
Thuế thu nhập cá nhân	372.894.566	10.765.883.067	10.118.720.186	1.020.057.447
Thuế tài nguyên	109.259.205	2.452.758.584	1.811.799.103	750.218.686
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	40.929.160	530.162.360	529.473.400	41.618.120
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.942.000	581.973.594	581.889.594	7.026.000
Thuế đất Phi Nông nghiệp	78.630.517	37.169.054.194	37.247.684.711	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	38.503.750	38.503.750	-
	-	2.161.380.314	2.161.380.314	-
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	3.903.983.233	415.292.796	4.509.002.690	7.997.693.127
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.148	148.148	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.656.772.447	-	-	3.656.772.447
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.265.659	412.974.336	692.503.767	299.795.090
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	-	3.814.390.763	3.814.390.763
	226.796.979	2.170.312	2.108.160	226.734.827



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Chi phí phải trả

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	17.505.538.127	12.528.732.100
Lãi vay	2.841.513.114	1.694.109.025
Chi phí hàng xuất khẩu	2.381.495.919	1.763.233.832
Chi phí vận chuyển, hạ dỡ, lô lúa	123.209.000	197.372.100
Chi phí chiết khấu thương mại, CK thanh toán	2.189.536.000	-
Chi phí phải trả khác	9.969.784.094	8.874.017.143
Tổng	17.505.538.127	12.528.732.100

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	12.051.309.888	11.948.703.832
Doanh thu nhà số 2 Điện Biên Phủ, Thành phố Trà Vinh (*)	11.760.421.000	11.760.421.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	290.888.888	188.282.832
Dài hạn	5.026.479.040	4.354.525.500
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	5.026.479.040	4.354.525.500
Tổng	17.077.788.928	16.303.229.332

(*): Đây là khoản doanh thu từ việc bán căn nhà số 2 Điện Biên Phủ, phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long. Tổng Công ty đã thực hiện việc chuyển nhượng Bất động sản này cho một bên thứ 3 trong năm 2015 và đã thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản. Tổng Công ty chưa thực hiện việc ghi nhận doanh thu liên quan vì chưa xác định được bất động sản nói trên có thuộc sở hữu của Nhà nước giao cho cơ quan đơn vị, tổ chức quản lý hay không. Giá vốn và chi phí liên quan đến việc bán bất động sản này được ghi nhận trong chi phí trả trước (Thuyết minh số 5.8). Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xem xét và cho ý kiến về nội dung này. Tại ngày lập Báo cáo này, Tổng Công ty chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan ban ngành về vấn đề này.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
 Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.20 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	83.258.610.563	83.796.739.236
Kinh phí công đoàn	1.546.031.435	1.590.502.182
Bảo hiểm xã hội	-	128.355.679
Bảo hiểm y tế	-	3.642.842
Phải trả cổ phần hóa	6.255.433.903	6.253.697.082
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.619.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.899.129.325	2.719.329.325
Các khoản phải trả phải nộp khác	73.558.015.900	73.099.593.086
<i>Tiền chuyển quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>39.584.880.000</i>	<i>39.584.880.000</i>
<i>Phải trả khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước (**)</i>	<i>27.877.394.336</i>	<i>27.877.394.336</i>
<i>Phải trả Bộ tài chính các khoản phải thu từ xử lý Nhà đất</i>	<i>1.745.269.082</i>	<i>1.745.269.082</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>4.350.472.482</i>	<i>3.892.049.668</i>
Dài hạn	683.187.978.874	657.792.126.120
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	7.558.280.000	3.319.880.000
Các khoản phải trả dài hạn khác (***)	675.629.698.874	654.472.246.120
Tổng	766.446.589.437	741.588.865.356

(*): Đây là khoản tiền ước tính Tổng Công ty phải trả Ngân sách Nhà nước để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến đất tại số 289 đường Bến Bình Đông, phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 5.12).

(**): Đây là khoản phải trả liên quan đến khoản Nhà nước tạm ứng để xây dựng dự án nhưng đã qua thời hạn rút vốn (Thuyết minh số 5.4).

(***): Đây là khoản phải trả liên quan đến hàng viện trợ do Chính phủ Việt Nam hỗ trợ thông qua Tổng Công ty. Khoản này sẽ được hoàn trả lại cho Chính phủ Việt Nam khi Tổng Công ty thu hồi được từ Chính phủ Cuba. Do đó, tương ứng với khoản phải trả này là khoản phải thu dài hạn được trình bày trong Thuyết minh số 5.2.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (1)	1.973.557.646.496	1.973.557.646.496	7.395.806.575.013	6.338.564.625.456	916.315.696.939	916.315.696.939
- VND	22.652.437.500	22.652.437.500	92.830.987.500	124.800.370.993	54.621.820.993	54.621.820.993
- USD	-	-	443.906.167.906	479.341.869.925	35.435.702.019	35.435.702.019
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	832.496.630.132	832.496.630.132	1.064.519.179.406	307.050.499.274	75.027.950.000	75.027.950.000
- VND	60.907.152.593	60.907.152.593	470.812.610.929	613.567.901.363	203.662.443.027	203.662.443.027
- USD	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (3)	1.318.850.000	1.318.850.000	277.747.702.373	276.428.852.373	-	-
- VND	3.217.994.000	3.217.994.000	66.894.116.031	149.978.725.211	86.302.603.180	86.302.603.180
- USD	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	441.772.619.840	441.772.619.840	1.143.906.934.994	762.134.315.154	60.000.000.000	60.000.000.000
- VND	-	-	1.515.752.076.479	1.597.687.156.267	81.935.079.788	81.935.079.788
- USD	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn (5)	461.582.362.431	461.582.362.431	925.753.846.069	514.504.683.638	50.333.200.000	50.333.200.000
- VND	-	-	732.803.794.199	927.343.659.193	194.539.864.994	194.539.864.994
- USD	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

a. Vay	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	-	-	-	-
- VND	-	-	60.467.900.000	60.467.900.000	-	-
- USD	-	-	124.659.172	16.130.521.000	16.005.861.828	16.005.861.828
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam (VND) (6)	23.000.000.000	23.000.000.000	143.000.000.000	160.440.800.000	40.440.800.000	40.440.800.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	-	-	-	-
- VND	-	-	-	-	-	-
- USD	-	-	86.699.799.955	102.940.271.065	16.240.471.110	16.240.471.110
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An (7)	126.609.600.000	126.609.600.000	370.586.800.000	243.977.200.000	-	-
- VND	-	-	-	-	-	-
- USD	-	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Quý Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang	-	-	-	860.000.000	860.000.000	860.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	909.900.000	909.900.000	909.900.000
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	909.900.000	909.900.000	909.900.000
Tổng	1.973.557.646.496	1.973.557.646.496	7.395.806.575.013	6.339.474.525.456	917.225.596.939	917.225.596.939

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,

Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng giữa Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTPC với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Sài Gòn theo HĐ số 341704.25.110.262041.TD ngày 04/12/2025. Hạn mức tín dụng: 900.000.000.000 đồng. Mục đích: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lúa gạo của Khách hàng. Lãi suất: quy định trên từng hợp đồng/KUNN cụ thể. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến hết ngày 30/9/2026. Biện pháp bảo đảm: quyền đòi nợ phát sinh từ bộ chứng từ xuất khẩu của chính phương án chiết khấu.
- (2) Hợp đồng tín dụng giữa Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo HĐ số 16/98531/25-DN2/N-CTD ngày 06/03/2025. Giới hạn Cấp tín dụng ngắn hạn: 1.000.000.000.000 VND; Giới hạn Cấp tín dụng trung dài hạn: 300.000.000.000 VND. Mục đích: Mục đích sử dụng một, một số hoặc tất cả các Khoản cấp tín dụng được quy định cụ thể trong các hợp đồng. Thời hạn hiệu lực của Giới hạn cấp tín dụng: Kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực cho đến hết ngày 06/03/2026. Biện pháp đảm bảo: Cấp tín dụng không có biện pháp đảm bảo. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C.
- (3) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/98645/25-DN2/N-HM/01 ngày 06/3/2025 giữa Công ty Lương thực Long An và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2026. Biện pháp đảm bảo: Không có biện pháp đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 45291/24MN/HĐTD ngày 07/02/2025 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTPC. Hạn mức cấp tín dụng: 600 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay không vượt quá 600 tỷ đồng và/hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh lúa gạo, lúa mì, bột mì, bã đầu nành, lương thực thực phẩm, đồ uống, sữa..., phát hành bảo lãnh, mở L/C nhập khẩu lúa mì (mục đích chi tiết nêu trong từng khế ước nhận nợ). Lãi suất cho vay được quy định theo từng KUNN/Hợp đồng cấp tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh theo thỏa thuận của hai bên. Thời hạn hiệu lực của HMTD là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 07/02/2028. Cấp tín dụng không tài sản bảo đảm.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 180368/2025/HĐTD ngày 07/03/2025 kèm phụ lục số 03 ngày 11/11/2025 giữa Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Hạn mức tín dụng trong Hợp đồng này là tổng dư nợ và số dư tối đa của các khoản cho vay, phát hành thư tín dụng (L/C), chiết khấu, bảo lãnh hoặc các khoản tín dụng khác mà MSB cấp cho là 2.000.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức. Biện pháp đảm bảo: Không có biện pháp đảm bảo.
- (5) Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn theo HĐ số 01/2025/1176761/HĐTD ngày 12/8/2025. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là: 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất: quy định trên hợp đồng cụ thể. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 12/8/2025.

+) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/1176761/HĐTD ngày 14/08/2025 giữa Công ty Lương thực Long An và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Long An. Hạn mức cấp tín dụng: 200.000.000.000 VND. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 14/8/2026. Lãi suất vay: Lãi suất quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.21 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

- (6) Hợp đồng tín dụng số HCM/RC/FBEP-AP/09/099 ngày 05/01/2010 và phụ lục ngày 14/8/2024, phụ lục ngày 23/4/2025 và phụ lục 01/8/2025 giữa Công ty Lương thực Long An và Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh . Hạn mức vay: 3.000.000 USD. Mục đích: : Tài trợ thanh toán trong nước, bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng theo Phụ lục thư đề nghị tín dụng được gia hạn đến kỳ kiểm tra định kỳ kế tiếp vào ngày 31/12/2026. Lãi suất vay: 2.5%/ năm + Lãi suất liên Ngân hàng (kỳ hạn tương ứng) hoặc 2.5%/ năm + lãi suất tiền gửi (kỳ hạn tương ứng).
- (7) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3558/25/MN/HĐTD ngày 24/02/2025 giữa Công ty Lương thực Long An và Ngân hàng TMCP Phát triển - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hạn mức tín dụng: 130.000.000.000 VND. Mục đích: Để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Thời hạn vay: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2025. Lãi suất: Quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Không áp dụng biện pháp bảo đảm.



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Tài Chính)	2.571.293.000.000	2.571.293.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	1.178.707.000.000	1.178.707.000.000
Tổng	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	500.000.000	500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000.000	500.000.000
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	500.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.23 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.418.915,08	115.323.758.733	9.595.200,44	224.589.425.164
EUR	603,69	18.563.468	422,68	10.573.150
Tổng		115.342.322.201		224.599.998.314

b. Hàng hoá giữ hộ

	Đơn vị tính	31/12/2025	01/01/2025
Bột mì	Kg	222.240	564.615
Tổng		222.240	564.615

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	10.224.342.583.328	11.165.382.262.442
Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.251.315.326	136.407.480.303
Doanh thu khác	-	7.841.338.576
Tổng	10.371.593.898.654	11.309.631.081.321
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	12.606.049.000	6.418.692.250
Giảm giá hàng bán	45.215.547	22.755.556
Hàng bán bị trả lại	185.038.000	2.516.538.050
Tổng	12.836.302.547	8.957.985.856
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	10.211.506.280.781	11.156.424.276.586
Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.251.315.326	136.407.480.303
Doanh thu khác	-	7.841.338.576
Tổng	10.358.757.596.107	11.300.673.095.465
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>413.249.228.083</i>	<i>97.976.592.332</i>

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hàng hóa, thành phẩm đã bán	9.466.491.448.461	10.571.908.826.377
Dịch vụ đã cung cấp	66.007.262.844	62.249.865.026
Trích lập/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.976.098.396)	1.083.082.040
Giá vốn khác	-	1.473.339
Tổng	9.525.522.612.909	10.635.243.246.782

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.866.149.084	1.010.229.431
Cổ tức được chia	30.040.109.000	56.029.729.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.853.186.590	35.438.297.703
Lãi bán ngoại tệ	-	56.099.951.324
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	376.662	609.691.877
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	81.055.254
Tổng	95.759.821.336	149.268.954.589
<i>Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>30.040.425.000</i>	<i>56.029.729.000</i>

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi vay	89.879.966.969	119.163.707.303
Lỗ bán ngoại tệ	-	26.705.294.778
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.076.800.952	23.643.258.148
Dự phòng tổn thất đầu tư	(844.330.229)	362.359.524
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	320.346.689	14.261.536.724
Chi phí tài chính khác	203.520	452.025.600
Tổng	160.432.987.901	184.588.182.077

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	498.674.454.196	420.715.988.449
Chi phí nhân viên	24.534.895.384	19.154.250.611
Chi phí nguyên vật liệu	28.739.819.030	22.400.339.852
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.414.197.131	1.745.669.735
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.761.827.761	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.013.564.339	340.013.557.447
Chi phí bằng tiền khác	29.210.150.551	37.402.170.804
Chi phí quản lý doanh nghiệp	265.864.710.995	222.299.471.960
Chi phí nhân viên quản lý	118.065.126.508	77.930.779.948
Chi phí vật liệu quản lý	685.399.129	855.217.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.357.453.300	3.573.175.612
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.705.847.392	34.518.155.573
Thuế phí và lệ phí	35.596.023.334	44.333.644.969
Chi phí dự phòng	(13.947.592.761)	(31.285.980.487)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.855.282.822	31.984.379.254
Chi phí bằng tiền khác	54.547.171.271	60.390.099.913
Tổng	764.539.165.191	643.015.460.409

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
 Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý bao phế thải, phế liệu, CCDC	294.855.884	299.596.078
Thu tiền bồi thường tổn thất hàng hóa	-	11.139.186.643
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	112.272.727	-
Thưởng chỉ tiêu sản lượng, hỗ trợ bán hàng	58.200.000	391.736.250
Tiền thuê đất được giảm	-	5.787.156.008
Các khoản do Vinamilk CN Cần Thơ hỗ trợ	3.060.459.633	2.509.152.707
Thu nhập khác	3.003.243.051	5.199.507.888
Tổng	6.529.031.295	25.326.335.574
Chi phí khác		
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ và tài sản, chi phí thanh lý	1.110.063.812	448.626.534
Chi phí thuê đất Tân Kim	1.378.647.503	1.378.647.504
Chi phí khác	2.545.937.645	6.291.088.031
Tổng	5.034.648.960	8.118.362.069
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.494.382.335	17.207.973.505

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.517.033.777	4.303.134.291
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.517.033.777)	(4.303.134.291)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	36.044.517.449	59.032.044.566
<i>Chênh lệch tỷ giá của phải thu cuối kỳ</i>	<i>43.355.696</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.423.520.277</i>	<i>1.069.002.667</i>
<i>Chi phí lãi vay giao dịch liên kết</i>	<i>34.577.641.476</i>	<i>57.963.041.899</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	41.561.551.226	63.335.178.857
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>30.040.109.000</i>	<i>56.029.729.000</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá của tiền gửi cuối kỳ</i>	<i>20.477.157</i>	<i>-</i>
<i>Chuyển lỗ năm trước sang</i>	<i>11.500.965.069</i>	<i>7.305.449.857</i>
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.364.742.394.821	9.231.976.675.110
Chi phí nhân công	213.063.372.502	170.285.264.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.304.615.651	98.706.548.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	644.332.491.724	511.139.150.876
Chi phí khác bằng tiền	134.293.979.305	180.367.378.706
Chi phí dự phòng	(13.947.592.761)	(31.285.980.487)
Tổng	10.442.789.261.242	10.161.189.036.829

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương Thực	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Công ty con
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con
Công ty Cổ phần Tô Châu	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hoàn Mỹ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	3.266.690.000	2.150.400.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương, thưởng	3.350.850.000	2.336.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong đó:

Lương, Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch	Lương	863.040.000	594.000.000
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Phó Chủ tịch	Lương	700.200.000	462.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2024)	Thù lao	-	38.000.000
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên (Thôi kiêm nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ từ ngày 04/07/2024)	Lương	682.200.000	462.000.000
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/02/2024; Miễn nhiệm ngày 30/01/2026)	Thù lao	166.850.000	100.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/12/2024)	Thù lao	120.000.000	-

Lương, Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng Ban Kiểm soát	Lương	662.400.000	422.400.000
Ông Đào Trọng Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/02/2024)	Thù lao	36.000.000	30.000.000
Bà Mẫn Thị Nga	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/02/2024)	Thù lao	36.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/02/2024)	Thù lao	-	6.000.000
Bà Trần Thị Đoàn Thu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/02/2024)	Thù lao	-	6.000.000

Tiền lương của TGD và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Ghi chú	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Trần Tấn Đức	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/02/2024; Miễn nhiệm ngày 09/12/2025); Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/02/2024; Miễn nhiệm ngày 30/01/2026)	Lương	641.850.000	528.000.000
Ông Bạch Ngọc Văn	Phó Tổng Giám đốc	Lương	682.200.000	462.000.000
Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Tổng Giám đốc	Lương	682.200.000	462.000.000
Ông Nguyễn Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (Bổ nhiệm ngày 07/01/2026)	Lương	682.200.000	462.000.000
Ông Nguyễn Vương Quốc	Kế toán trưởng	Lương	662.400.000	422.400.000

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM
- CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí MinhMẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng		77.103.560.479	70.842.623.359
Công ty Cổ phần Tô Châu	Công ty con	25.815.229.715	25.965.229.715
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	24.361.723.614	24.361.723.614
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	17.298.568.750	17.298.568.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con	1.318.163.200	1.318.163.200
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	4.704.000.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	3.605.875.200	1.898.938.080
Người mua trả tiền trước		19.749.278.088	14.780.800.000
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	9.500.000.000	9.500.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	66.170.088	-
Công ty Cổ Phần Lương thực Bình Định	Công ty con	6.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	4.010.108.000	5.280.800.000
Phải thu khác		147.674.161.692	147.556.457.790
Công ty Cổ phần Tô Châu	Công ty con	88.280.243.917	88.280.243.917
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	27.798.201.920	27.689.374.920
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	28.000.000.000	28.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Công ty con	8.876.902	-
Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Công ty con	3.586.838.953	3.586.838.953
Phải trả người bán		3.021.491.592	2.886.978.800
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Công ty con	1.158.174.234	1.577.400.804
Công ty Cổ Phần Lương thực Bình Định	Công ty con	1.060.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	647.917.358	1.309.577.996
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Lương Thực	Công ty con	155.400.000	-
Trả trước cho người bán		75.446.374.849	73.226.957.750
Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Công ty con	73.226.957.750	73.226.957.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	2.219.417.099	-

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC THỰC MIỀN NAM**- CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 333 đường Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các giao dịch bán hàng			413.249.228.083	97.976.592.332
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	Bán hàng	5.722.222	5.775.930
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con	Bán hàng	150.418.330.000	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	Bán hàng	197.085.010.609	55.025.644.470
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực thực phẩm	Công ty con	Bán hàng	1.049.196.762	48.306.949
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con	Bán hàng	32.529.632	23.885.446
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con	Bán hàng	11.285.988.888	12.596.506.944
Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	Công ty con	Bán hàng	6.552.095.711	9.944.444
Công ty CP Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	Bán hàng	46.820.354.259	30.266.528.149
CTCP XNK NSTP An Giang	Công ty con	Bán hàng	-	-
Các giao dịch mua hàng			157.244.622.694	269.830.818.834
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Công ty con	Mua hàng	22.578.631.500	24.468.153.990
Công ty Xây lắp Cơ khí và Lương thực thực phẩm	Công ty con	Mua hàng	23.562.209.570	55.705.485.111
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	Mua hàng	94.406.227.124	134.670.786.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con	Mua hàng	16.588.727.500	-
Công ty CP Lương thực TP. HCM	Công ty con	Mua hàng	108.827.000	54.920.383.333
Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm SAFOCO	Công ty con	Mua hàng	-	66.010.400
Cổ tức			30.040.425.000	56.029.729.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	Cổ tức	3.707.340.000	7.944.300.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con	Cổ tức	1.672.800.000	17.952.000.000
Công ty Xây lắp Cơ khí và Lương thực thực phẩm	Công ty con	Cổ tức	4.203.736.000	7.760.160.000
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco	Công ty con	Cổ tức	18.539.829.000	18.539.829.000
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket	Công ty liên kết	Cổ tức	1.916.720.000	3.833.440.000
Giao dịch khác			87.734.996	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Công ty con	Chi phí ủy thác	87.734.996	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Nguyễn Lê Bảo Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Vương Quốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách




Nguyễn Văn Hiến